

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ NHẬT HẠNH**
2. Ngày tháng năm sinh: 09/04/1978; Nam ☐ ; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐
4. Quê quán: Thị trấn Thọ Xuân, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 734 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ: 734 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại di động: 0973333036

E-mail: hanhln@ueh.edu.vn; lenhathanh@gmail.com; lenhathanh@yahoo.com

7. Quá trình công tác:

Từ năm 2003 đến năm 2014:

- Giảng viên, Bộ môn Quản trị kinh doanh (QTKD), Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ năm 2014 đến năm 2015:

- Giảng viên, Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Khoa Kinh tế và QTKD, Trường Đại học Việt Đức.

Từ năm 2015 đến năm 2016:

- Giảng viên, Bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Từ năm 2016 đến nay:

- **Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu**, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Thành viên Hội đồng Khoa học Khoa, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: **Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.**

Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.**

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028.38295299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 08 năm 1999, ngành: *Kinh doanh thương mại*, chuyên ngành: *Kinh doanh thương mại*. Số bằng: B18358. Nơi cấp bằng ĐH: *Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.*
- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 12 năm 2003, ngành: *Kinh tế học*; chuyên ngành: *Kinh tế Phát triển*. Số bằng: 98-056. Nơi cấp bằng ThS: *Viện Khoa học Xã hội Hà Lan, The Hague – Hà Lan và Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.*
- Được cấp bằng TS tháng 05 năm 2013, ngành: *Quản trị kinh doanh*, chuyên ngành: *Marketing*. Nơi cấp bằng TS: *Đại học Trung ương Quốc gia, Đài Loan.*

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Kinh doanh và marketing bền vững*: các lý thuyết khoa học về kinh doanh bền vững, marketing xanh tại doanh nghiệp; chiến lược quản lý đối tác trong kênh phân phối; sự toàn cầu hóa của các kênh phân phối; quản lý kênh thương mại di động B2B; quản trị thương hiệu; cảm xúc, nhận thức, niềm tin, thái độ và hành vi của người tiêu dùng xanh.

- *Marketing kỹ thuật số*: quảng cáo, phân phối, dịch vụ bán hàng tới khách hàng bằng các phương tiện truyền thông xã hội (social media), trang web và các công cụ tìm kiếm; ứng dụng công nghệ mới trong marketing, quảng cáo và bán lẻ.

- *Kinh doanh và marketing dịch vụ*: tâm lý, trải nghiệm, gắn kết và các phản ứng hành vi của khách du lịch; ứng dụng nền tảng công nghệ trong quản trị marketing điềm đến cũng như nhà hàng và khách sạn; áp dụng các nguyên lý quản trị hiện đại trong quản lý giáo dục.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang đồng hướng dẫn **03 nghiên cứu sinh** làm luận án tiến sĩ, trong đó:

- Hướng dẫn chính **01** NCS viết luận án bằng tiếng Anh đang thực hiện đúng tiến độ;
- Hướng dẫn phụ **01** NCS, đã bảo vệ cấp Trường ngày 04/06/2020;
- Hướng dẫn phụ **01** NCS khác đang thực hiện đúng tiến độ.

- Đã hướng dẫn **05 học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ kinh tế trong thời gian gần đây và đang hướng dẫn **03 HVCH** thực hiện đúng tiến độ.

- Đã hoàn thành **05** và đang thực hiện **03 đề tài NCKH** từ cấp cơ sở trở lên, gồm:

- **Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ GD&ĐT** đã nghiệm thu;
- **Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở** đã nghiệm thu (viết bằng tiếng Anh);
- **Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ (NAFOSTED)** (đang thực hiện; 2020-2022);
- **Chủ nhiệm 01 đề tài nhánh thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ GD&ĐT** (đang thực hiện; 2018-2020);
- **Thành viên 03 đề tài NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước** đã nghiệm thu;

- **Thành viên chủ chốt 01 đề tài NCKH cấp Bộ (NAFOSTED)** (đang thực hiện; 2019-2021).
- Đã công bố **51** bài báo khoa học trong và ngoài nước, bao gồm:
 - **11** bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục **SSCI** (thuộc **ISI**);
 - **01** bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục **ESCI** (thuộc **ISI**);
 - **05** bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục **SCOPUS**;
 - **01** bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (thuộc **NXB Emerald**);
 - **01** bài báo trên tạp chí quốc tế khác;
 - **01** bài báo đăng trên tạp chí *Phát triển kinh tế* số tiếng Anh;
 - **05** bài báo đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*;
 - **07** bài báo đăng trên tạp chí *Kinh tế và Phát triển*;
 - **01** bài báo đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*;
 - **02** bài báo trên tạp chí *Khoa học Kinh tế* - Đại học Đà Nẵng và **01** bài báo trên *Chuyên san Kinh tế Luật và Quản lý*;
 - **15** bài báo đăng trên các **Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế và quốc gia**, trong đó có **07** bài báo đăng trên hội thảo quốc tế và **08** bài báo trên hội thảo quốc gia.
- Đã được cấp (số lượng)..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **09 cuốn sách** thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó gồm:
 - **Viết một mình 01** cuốn sách tham khảo;
 - **Chủ biên 01** cuốn sách chuyên khảo;
 - **Đồng chủ biên 01** cuốn sách chuyên khảo;
 - Đồng tác giả **06** cuốn sách chuyên khảo (trong đó **02** cuốn bằng tiếng Anh).
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.....

15. Khen thưởng:

- Đạt danh hiệu **Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2019** (Quyết định số: 4343/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT);
- **Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT** vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm học **2017-2018** đến năm học **2018-2019** (Quyết định số: 4631/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT);
- **Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích có bài công bố quốc tế thuộc danh mục ISI có chỉ số IF cao giai đoạn 2017-2019** (Quyết định 167/QĐ-ĐHKT-NS ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);

- **Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích giảng viên nữ có nhiều đóng góp cho hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2017-2019** (Quyết định 167/QĐ-ĐHKT-NS ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- **Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở trong các năm từ 2016 đến 2019** (các Quyết định số: 665/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 30/03/2017; 680/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 18/04/2018; 570/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 01/04/2019; 667/QĐ-ĐHKT-NS ngày 02/03/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- **Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế** (Quyết định số: 2846/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 08/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- **Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2016-2017** (Quyết định số: 3431/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 14/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh);
- Liên tục được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến.

16. Kỷ luật: (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với trên 17 năm giảng dạy và nghiên cứu, trong đó có **11** năm là giảng viên tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, **1,5** năm là giảng viên thâm niên (senior lecturer) tại Trường Đại học Việt Đức, và gần **5** năm là giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn tự hào được đóng góp một phần công sức của mình cho công cuộc trồng người, phát triển của nền giáo dục nước nhà. Tôi luôn nhận được sự trợ giúp tận tình của thầy cô và các đồng nghiệp đi trước; luôn cố gắng để hoàn thiện mình, tập trung vào công việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập, trau dồi tri thức. *Tôi tự đánh giá bản thân dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:*

* **Về phẩm chất, tư tưởng, đạo đức:** Tôi luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; tuân thủ mọi nội quy, quy định của Trường, Khoa, Bộ môn nơi tôi công tác. Tôi luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; có lối sống trung thực, giản dị; có tinh thần đoàn kết nội bộ; luôn tôn trọng và hỗ trợ đồng nghiệp; tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng, bảo vệ các

quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị của một giảng viên.

* **Về công tác giảng dạy:** Tôi đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Tôi thực hiện giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh về chuyên ngành Quản trị kinh doanh cho các bậc đào tạo đại học (chính quy, chương trình tiên tiến, chất lượng cao, chương trình quốc tế) và sau đại học (cao học, tiến sĩ). Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp luận và giảng dạy để đem lại nội dung kiến thức phù hợp và tiên tiến nhất cho sinh viên/học viên/NCS các hệ; giảng dạy theo đúng mục tiêu, đề cương được phê duyệt. Tôi luôn tận tâm hướng dẫn các sinh viên, học viên và NCS làm tốt công việc học tập và nghiên cứu. Cụ thể, hiện nay các công việc giảng dạy của tôi như sau:

- Với bậc đại học: Tôi giảng dạy các môn học cốt lõi của chuyên ngành Quản trị kinh doanh (gồm *Quản trị học*, *Hành vi người tiêu dùng*) bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh cho Khoa Quản trị, cho chương trình Cử nhân tài năng của Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Tôi cũng giảng môn “*Consumer Behavior*” (*Hành vi người tiêu dùng*) cho Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh Western Sydney WSU-BBUS liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Western Sydney, Úc; Giảng môn “*Introduction of Management*” (*Quản trị học*) cho Chương trình Cử nhân liên kết quốc tế giữa Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Đại học Victoria of Wellington, New Zealand.

- Với bậc cao học: Tôi giảng các môn học bắt buộc và tự chọn như: *Phương pháp nghiên cứu khoa học* và *Quản trị Marketing*.

- Với bậc tiến sĩ: Tôi giảng môn *Định lượng trong kinh doanh và quản lý*.

- Với các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn: Tôi đã thực hiện một số chuyên đề ngắn hạn về phương pháp nghiên cứu, về viết bài báo và xuất bản quốc tế cho một số cơ sở giáo dục trong nước.

* **Về nghiên cứu khoa học:** Xác định nghề giảng viên là giảng dạy và nghiên cứu khoa học song hành, tôi luôn chú trọng và dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học và biên soạn sách; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ KH&CN được Trường, Khoa, Bộ môn giao phó; chủ động tìm tòi, nghiên cứu các hướng mới. Tôi tích cực chủ trì và kết hợp với các đồng nghiệp; khuyến khích, hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thực hiện đề tài NCKH để tham gia hội thảo, hội nghị và hướng tới công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trong tổng số 51 bài báo khoa học đã được liệt kê phía trên (mục 14), tôi là **tác giả đầu/tác giả liên hệ của 06 trong**

tổng số 11 bài báo đăng trên tạp chí ISI uy tín (SSCI) và 03 trong tổng số 05 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (SCOPUS). Một số tạp chí thuộc danh mục SSCI mà tôi và cộng sự có bài báo xuất bản được xếp hạng cao như: *Journal of the Academy Marketing Science* (IF 2018: 9.360), *Journal of International Marketing* (IF 2018: 3.375), *Current Issue in Tourism* (IF 2018: 3.395), *International Journal of Advertising* (IF 2018: 2.234), *Journal of Consumer Behaviour* (IF 2018: 1.580), *Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics* (IF 2018: 1.276).

Nhờ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, tôi đã vinh dự nhận được một số danh hiệu, bằng khen và giấy khen từ Bộ GD&ĐT cũng như Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

*** Về kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:** Tôi luôn chú trọng bồi dưỡng, trau dồi kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm, cập nhật kiến thức thực tiễn và phương pháp giảng dạy hiện đại để nâng cao chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, tôi cũng luôn chú trọng học hỏi và cập nhật các phương pháp nghiên cứu, tìm kiếm những chủ đề và các hướng nghiên cứu mới để kết hợp với đồng nghiệp cũng như hướng dẫn người học thực hiện các công trình NCKH, xuất bản sách và bài báo khoa học. Để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức với các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, tôi đã và đang tham gia cũng như là thành viên hội đồng khoa học cho một số hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế; làm phản biện cho các tạp chí thuộc danh mục SSCI/SCOPUS như: *International Journal of Consumer Studies*; *Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics*; *Asian Journal of Technology Innovation*, *Australasian Marketing Journal* cũng như tạp chí khoa học trong nước như: *Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á* (JABES) cả bản tiếng Anh và tiếng Việt.

*** Về sức khỏe:** Tôi có sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp của một giảng viên.

Căn cứ vào Điều 67 và Điều 69 trong Luật Giáo dục 2019 về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thấy mình có đủ các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Tính đến nay, tôi đã có tổng số 17 năm nghiên cứu và giảng dạy, trong đó 11 năm (từ 2003 đến 2014) tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 1,5 năm tại Trường Đại học Việt Đức và 5 năm vừa qua tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Cụ thể 03 năm ở Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh và 03 năm cuối tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đang hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2005-2006	0	0	0	5	210	0	210/348/280
2	2006-2007	0	0	0	5	240	0	240/449/280
3	2007-2008	0	0	0	5	345	0	345/653/280
3 năm học cuối								
4	2017-2018	0	1	3	10	150	180	330/656/216
5	2018-2019	1	2	3	10	120	165	285/658/216
6	2019-2020	1	2	2	10	60	195	255/613/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học TS ☒ (Học hoàn toàn bằng tiếng Anh); Tại nước: Đài Loan; Từ năm 2008 đến năm 2013.

- Bảo vệ luận án TS ☒; Tại nước: Đài Loan; Năm 2013.

b) Được đào tạo bằng ngoại ngữ trong nước: ☒

- Học Thạc sĩ ☒ (Chương trình cao học Việt Nam-Hà Lan; học hoàn toàn bằng tiếng Anh); Tại nước: Việt Nam; Từ năm 2001 đến năm 2003.

- Bảo vệ luận văn ThS ☒; Tại nước: Việt Nam; Năm 2003.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh tại Trường Đại học Việt Đức từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2015 (Giảng viên toàn thời gian (Full-time Senior Lecturer)).

- Hiện tại, tôi giảng dạy bằng tiếng Anh cho các chương trình:

* Chương trình Cử nhân tài năng, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

* Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Western Sydney, Úc liên kết với Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

* Chương trình Cử nhân thương mại liên kết quốc tế giữa Đại học Victoria of Wellington, New Zealand và Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

* Hướng dẫn một số học viên cao học, NCS ngành Quản trị kinh doanh viết luận văn, luận án bằng tiếng Anh.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng trong thời gian gần đây

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Lê Xuân Doanh		√	√		2019	ĐH Kinh tế TP.HCM	16/4/2020
2	Lê Thị Hạnh Dung		√	√		2019	ĐH Kinh tế TP.HCM	16/4/2020
3	Lý Uyên Thanh		√	√		2018	ĐH Kinh tế TP.HCM	01/8/2019
4	Lê Thị Trà My		√	√		2018	ĐH Nông Lâm TP.HCM	25/9/2018
5	Nguyễn Bảo Phúc		√	√		2018	ĐH Nông Lâm TP.HCM	25/9/2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, TK)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH
A. Giai đoạn trước khi được cấp bằng Tiến sĩ							
1	Bases for Territory-Based Rural Development in Vietnam	CK	AIDA, Ayuda, Intercambio y Dessarollo; 2007	25		Đồng tác giả, biên soạn từ trang 127-146 (Chương 3, Mục 3.4)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
2	Cơ sở phát triển nông thôn theo vùng tại Việt Nam	CK	AIDA, Ayuda, Intercambio y Dessarollo; 2007	25		Đồng tác giả, biên soạn từ trang 124-144 (Chương 3, Mục 3.4)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM

TT	Tên sách	Loại sách (CK, TK)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận sử dụng của cơ sở GDDH
3	Bases for territory – based rural development in southeast region, Vietnam	CK	VNU-HCM Publisher; 2008	14		Đồng tác giả, biên soạn từ trang 171-185 (Chương 3, Mục 3.9)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
4	Cơ sở phát triển nông thôn theo vùng tại Vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam	CK	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM; 2008	14		Đồng tác giả, biên soạn từ trang 163-174 (Chương 3, Mục 3.9)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
5	Cạnh tranh trong tuyển chọn nhân lực	CK	NXB Thông tin và Truyền thông; 2011	13		Đồng tác giả, Biên soạn từ trang 184-227 (Chương 4, Mục 4.2); và trang 255-261 (Chương 5, Mục 5.3)	Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện CTQG HCM

B. Giai đoạn sau khi được cấp bằng Tiến sĩ

6	Nghiên cứu định lượng với mô hình phương trình cấu trúc theo hướng tiếp cận bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM)	TK	NXB Kinh tế TP.HCM; 2019	01	Chủ biên	Một mình	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
7	Marketing xanh: Lý luận và thực tiễn	CK	NXB Kinh tế TP.HCM; 2019	02	Chủ biên	Chủ biên, biên soạn từ Chương 2 đến Chương 4 (trang 31-176), từ Chương 6 đến Chương 7 (trang 199-258)	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và Trường ĐH Kinh tế quốc dân

TT	Tên sách	Loại sách (CK, TK)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận sử dụng của cơ sở GDĐH
8	Tài sản thương hiệu định hướng khách hàng của ngân hàng thương mại: Các thành tố lý thuyết và thực tiễn ứng dụng tại Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2019	09	Chủ biên	Đồng chủ biên, biên soạn từ trang 21-50, Chương 1; từ trang 178-212 Chương 2; và các phụ lục từ trang 266-268	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
9	Phân phối bình đẳng các nguồn lực kinh tế: tiếp cận lý luận và thực tiễn ở một số quốc gia	CK	Nhà Xuất Bản Chính trị Quốc gia; 2014	11		Đồng tác giả, Biên soạn từ trang 52-86 (Chương 2, Mục I); và trang 205-217 (Chương 4, Mục III)	Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện CTQG HCM

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo.

Trong đó, **03 sách chuyên khảo** do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau khi được cấp bằng tiến sĩ.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Các công trình đã nghiệm thu sau khi được cấp bằng Tiến sĩ					
1.	Nghiên cứu trạng thái cảm xúc tiêu cực và tác động đến hành vi sau mua của khách du lịch ở Việt Nam	CN	B2017-KSA-16, Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	24 tháng	24/4/2019, Xếp loại: Xuất sắc
2.	Idiosyncratic coping strategies of consumers feeling regret, anger and frustration after service failure: An evidence from the restaurant industry	CN	CS-2017-27, Cấp cơ sở, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	12 tháng	08/8/2018, Xếp loại: Đạt
3.	Nghiên cứu tài sản thương hiệu định hướng khách hàng cho các ngân hàng thương mại Việt Nam	TV	B2015.06.28, Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	24 tháng	05/02/2018, Xếp loại: Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
4.	Nhánh 6: “Nguyên cơ (nguyên nhân) ảnh hưởng đến an ninh tài chính – tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2006-2013” và các năm tiếp theo	TV	Nhánh 6 thuộc Đề tài cấp Nhà nước KX 01.15/11-15 “An ninh Tài chính – Tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”	15 tháng	24/4/2015, Xếp loại: Tốt
5.	Tương quan nhà nước và thị trường trong vận hành nền kinh tế theo quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới: Giá trị khoa học và những điều chỉnh mới trong bối cảnh những thập niên đầu thế kỷ XXI	TV	III.2-2011.8, NAFOSTED, Bộ KH&CN	24 tháng	01/11/2014, Xếp loại: Tốt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I. Trước khi được cấp bằng Tiến sĩ								
I.1 Tạp chí thuộc danh mục ISI uy tín (SSCI)								
1.	The glocalisation of channels of distribution: A case study	4		Management Decision	SSCI, Impact factor 2018: 1.963	16	50(3), 521-538	2012
2.	Social media usage and work values: The example of Facebook in Taiwan	4		Social Behavior and Personality: an International Journal	SSCI, Impact factor 2018: 0.535	30	40(2), 195-200	2012

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
3.	Brand Extension: Using parent brand personality as leverage	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, Impact factor 2018: 1.276	20	24(4), 599-618	2012
4.	Mobility value of internet services in a wireless city: The case of Taipei, Taiwan	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asian Journal of Technology Innovation	SSCI, Impact factor 2018: 0.706	1	20(1), 51-65	2012
I.2. Tạp chí quốc tế khác								
5.	Exploring the factors favoring mCommerce adoption among Indian MSMEs: A TOE perspective	4		Tunghai Management Review		10	13(1), 147-188	2011
II. Sau khi được cấp bằng Tiến sĩ								
II.1. Tạp chí thuộc danh mục ISI uy tín (SSCI)								
6.	Customer inspiration in a tourism context: an investigation of driving and moderating factors	3	Tác giả liên hệ	Current Issues in Tourism	SSCI, Impact factor 2018: 3.395		Đã được xuất bản online từ ngày 17/9/2019 trên trang web của tạp chí	2019
7.	A meta-analytic review of influence strategies in marketing channel relationships	3		Journal of the Academy of Marketing Science	SSCI, Impact factor 2018: 9.360	9	46(4), 674-702	2018
8.	Behavioral implications of international social media advertising-an investigation of intervening and contingency factors	4		Journal of International Marketing	SSCI, Impact factor 2018: 3.375	15	26(2), 43-61	2018
9.	Heterogeneity in a dual personal values-dual purchase consequences-green consumption commitment framework	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, Impact factor 2018: 1.276	4	31(2), 480-498	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
10.	Forces affecting perception of product comments on social-WOM: An interactive, relational communication perspective	5	Tác giả đầu, liên hệ	Journal of Consumer Behaviour	SSCI, Impact factor 2018: 1.580	3	17(4), 393-406	2018
11.	Social media advertising value: The case of transitional economies in Southeast Asia	4		International Journal of Advertising	SSCI, Impact factor 2018: 2.234	126	33(2), 271-294	2014
12.	Corporate rebranding and brand preference: Brand name attitude and product expertise as moderators	4	Tác giả đầu, liên hệ	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, Impact factor 2018: 1.276	16	26(4), 602-620	2014
II.2. Tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI)								
13.	Promoting creativity and innovation: expected and unexpected consequences	2		Asia Pacific Journal of Innovation and Entrepreneurship	Nhà xuất bản Emerald, ESCI		13(3), 296-310	2019
II.3. Tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục Scopus								
14.	The behavioral consequences of regret, anger and frustration in service settings	2	Tác giả đầu	Journal of Global Marketing	Scopus Q2 H index: 31	1	33(2), 84-102	2020
15.	A systematic literature review on social entrepreneurial intention	3		Journal of Social Entrepreneurship	Scopus Q2, H index: 23	2	Đã được xuất bản online từ ngày 30/7/2019 trên trang web của tạp chí	2019
16.	Attitudinal ambivalence towards green products: An empirical study in an emerging market	4	Tác giả đầu, liên hệ	International Journal of Economics and Business Research	Scopus Q4, H index: 5		18(3), 292-303	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
17.	The exercise of power sources in distribution channels: A synthesis study	3	Tác giả đầu, liên hệ	Journal of Empirical Generalisations in Marketing Science	Scopus Q3, H index: 10	1	18(1), 1-11	2018
18.	The impact of social media on consumer behavior: The case of consumer-generated content on YouTube	2		International Journal of Information and Management Science	Scopus Q3, H index: 20		29(3), 323-344	2018
II.4. Tạp chí quốc tế khác								
19.	Factors affecting mobile shopping: a Vietnamese perspective	3		Journal of Asian Business and Economic Studies	Nhà xuất bản Emerald	6	25(2), 186-205	2018
II.5. Tạp chí trong nước								
20.	Mối quan hệ giữa trải nghiệm, sự cam kết và gắn kết thương hiệu: Vai trò trung gian và điều tiết của tham gia thương hiệu	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển			Đã được chấp nhận, đang chờ xuất bản	2020
21.	Vai trò của thực tế ảo trong quảng cáo du lịch: Một cách tiếp cận từ mô hình SOR	3	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			Online, chưa có số tạp chí	2020
22.	Cảm xúc tiêu cực của du khách nước ngoài khi đến Việt Nam: nguyên nhân và hậu quả về mặt hành vi	1	Một mình	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			264, 66-76	2019
23.	Chiến lược marketing bền vững cho các doanh nghiệp: Mô hình khái niệm dựa trên lý thuyết nguồn lực và lý thuyết các bên liên quan	1	Một mình	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (của Viện Nghiên cứu kinh tế)			5(492), 46-55	2019
24.	Ý định quay trở lại của du khách quốc tế sau khi đến Việt Nam: Vai trò của nguồn lực điểm đến và giá trị cảm nhận	2	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			30(7), 66-88	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
25.	Hành vi công dân tổ chức của giảng viên đại học ở Việt Nam: Vai trò của phong cách lãnh đạo chuyên dạng, cam kết về khía cạnh cảm xúc và sự vượt qua cái tôi	3	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			30(12)	2019
26.	Động cơ và kết quả của hành vi mua sắm trên mạng xã hội trực tuyến tại Việt Nam	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển			261, 40-49	2019
27.	Mở rộng lý thuyết hành vi dự định để giải thích ý định sử dụng thương mại di động tại Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển			247, 81-90	2018
28.	Giá trị cảm nhận, chất lượng mối quan hệ và động cơ truyền miệng của du khách	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển			258, 63-73	2018
29.	Nghiên cứu về cảm xúc tiêu cực và hành vi đổi phó của khách hàng: Trường hợp ngành kinh doanh dịch vụ nhà hàng	2	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			29(1), 21-37	2018
30.	Vai trò của quy chuẩn trong việc giải thích hành vi tham gia mua sắm xã hội trực tuyến	3	Tác giả đầu	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			252, 47-56	2018
31.	Mua sắm xã hội trực tuyến: Vai trò của động cơ xã hội	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển			245, 58-67	2017
32.	Mối quan hệ giữa cảm xúc với điểm đến và chất lượng quan hệ trong kinh doanh du lịch: Trường hợp du khách nội địa ở TP. Hồ Chí Minh	2	Tác giả đầu	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			28(12), 22-40	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
33.	Affective and instrumental commitment: A special reference to self-service technologies in domestic and foreign banks	2		Journal of Development Economics			23(2), 137-160	2016
34.	Hành vi truyền miệng của du khách: Vai trò của chất lượng dịch vụ, tình cảm và hài lòng	2		Tạp chí Khoa học Kinh tế (của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)			7(01), 80-91	2019
35.	Động cơ xã hội trong hoạt động mua sắm xã hội trực tuyến	3		Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý (Trường Đại học Kinh tế - Luật)			5(1), 32-42	2017
36.	Mối quan hệ giữa đánh giá mang tính ác cảm, cảm xúc tiêu cực và hành vi tẩy chay hàng hóa xuất xứ Trung Quốc	3		Tạp chí Khoa học Kinh tế (của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)			5(04), 71-86	2017

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/Địa điểm, thời gian
III.1	Hội nghị quốc tế						
37.	Value co-creation experiences and customer satisfaction in e-retailing sectors: the mediating role of participation behaviors	3	Digital Transformation Opportunities & Challenges	University of Teknologi Malaysia	e-Proceedings of 2nd Connect-Us Conference (eISBI: 978-967-16755-2-6)	86-89	2020/ Malaysia, 9-10/ 10/2019
38.	A bibliometric analysis of human resource management in higher education research	3	Digital Transformation Opportunities & Challenges	University of Teknologi Malaysia	e-Proceedings of 2nd Connect-Us Conference (eISBI: 978-967-16755-2-6)	3-6	2020/ Malaysia, 9-10/ 10/2019

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/Địa điểm, thời gian
39.	Dual personal culture values, dual attitudes towards purchase consequences, and green consumption commitment: Evidence from Vietnam	4	Marketing at the Confluence between Entertainment and Analytics. Developments in Marketing Science	Springer	Proceedings of the 2016 Academy of Marketing Science (AMS) World Marketing Congress (Print ISBN 978-3-319-47330-7; online ISBN: 978-3-319-47331-4)	1253-1259	2016/ France, 19-23/ 7/2016
40.	Customers' affective and instrumental commitment: A special reference to self-Service technologies in domestic versus foreign banks	4	Creating Innovation in Business Transformation	RED publishing partner	APMBA International Conference on Management and Business Sciences. (ISBN: 978-603-7677-64-7)	73-81	2014/ Indonesia 11-12/ 12/2014
41.	Determinants of operational self-sustainability of microfinance institutions in Vietnam	4	Accounting, Auditing, and Finance in the Digital Age	National Economics University Publishing House	The International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ISBN: 978-604-946-498-0, Publishing register No. 4307-2018/CXBIPH/02-533/ĐHKTQD)	666-680	2018/ Hanoi, 23/11/ 2018
42.	Ambivalent attitude towards green products: Evidence from Vietnam	2	Policies and Sustainable Economic Development	UEH Publishing House	In ICUEH 2017 International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (ISBN: 978-604-922-568-0. Publishing registration No. 2999-2017/ CXBIPH/01-20/KTTPHCM)	319-341	2017/ HCM City, 28/9/ 2017
43.	Entrepreneurial enablers, risk perception, motivational factors and behavioral intention: Evidence from Vietnam	4	Policies and Sustainable Economic Development	UEH Publishing House	In ICUEH 2017 International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (ISBN: 978-604-922-568-0. Publishing registration No. 2999-2017/ CXBIPH/01-20/KTTPHCM)	119-136	2017/ HCM City, 28/9/ 2017

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/Địa điểm, thời gian
III.2 Hội nghị quốc gia							
44.	Chính phủ quản lý điện tử đối với doanh nghiệp ở Việt Nam: Mô hình lý thuyết, thực trạng và giải pháp	2	Nền kinh tế số trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông	Hội thảo Khoa học Quốc gia, Đại học kinh tế TP HCM (Mã ISBN: 978-604-80-3565-5; Số quyết định xuất bản: 4487 – 2018/CXBIPH/2 – 206/TTTT)	3-16	2018/ HCM, 3/12/ 2018
45.	Tác động của Fintech tới nghiệp vụ và quản trị ngân hàng tại Việt Nam	4	Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những đổi mới trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân	Hội thảo Khoa học Quốc gia (Mã số ISBN: 978-604-946-449-2, Mã số ĐKXB: 1748-2018/CXBIPH/1-255/ĐHKQTĐ)	20-35	6/2018/ Hà Nội, 12/6/ 2018
46.	Khoa học – Công nghệ - Đổi mới và phát triển kinh tế: Kinh nghiệm và một số bài học cho Việt Nam	2	Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (STI)	Nhà xuất bản Kinh tế TP HCM	Hội thảo Khoa học Quốc gia (ISBN: 978-604-922-616-8, Số quyết định ĐKXB: 150-2018/CXBIPH/03-01/KTTPHCM)	233-260	2017/ HCM, 12/2017
47.	Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến đời sống xã hội và dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực	3	Nhu cầu nhân lực cho phát triển trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những đáp ứng của giáo dục đại học Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN – 978-604-922-677-9)	181-189	2018/ HCM 23/11/ 2018
48.	Nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố thúc đẩy khởi nghiệp, nhận thức rủi ro, và hành vi có chủ định để trở thành nghiệp chủ	3	Khởi nghiệp tại Việt Nam: Cơ hội và Thách thức trong thời kỳ hội nhập.	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN: 978-604-922-383-9, Số quyết định ĐKXB: 2821-2016/CXBIPH/03-26/KTTPHCM)	164-178	2016/ HCM, 17/6/ 2016
49.	Mối quan hệ giữa ác cảm và hành vi tẩy chay hàng hóa xuất xứ Trung Quốc	3	Hội thảo khoa học Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP (ICYREB2016)	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	Hội thảo Khoa Học (ISBN: 978-604-922-422-5, Số quyết định ĐKXB: 3859-2016/CXBIPH/03-35/KTTPHCM)	1191-1204	2016/ HCM, 16/11/ 2016

III.	Hội nghị quốc tế và quốc gia	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm/Địa điểm, thời gian
50.	Truyền thông xã hội và hành vi người tiêu dùng trong lĩnh vực du lịch	4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch: Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM	Hội thảo Khoa Học (ISBN: 978-604-922-510-9, Số quyết định ĐKXB: 1603-2017/CXBIPH/01-11/KTTPHCM)	31-46	2017/HCM, 26/5/2017
51.	Chiến lược Marketing xanh: Mô hình phân tích tổng thể về nguồn lực và hiệu quả	3	Tăng trưởng xanh trong thời kỳ toàn cầu hóa	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM	Hội thảo Khoa Học (ISBN: 978-604-922-020-3, Số đăng ký: 1439-2013/CXB/01-11/KTTPHCM)	219-231	2013/HCM, 15/10/2013

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là **tác giả chính** sau khi được cấp bằng TS: **Ứng viên là tác giả đầu/tác giả liên hệ của 07 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín** (trong đó, 04 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục SSCI, 03 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục SCOPUS).

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Hiện nay tôi là **Giám đốc Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ**, thuộc Khoa Quản trị, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh với nhiệm vụ cơ bản là xây dựng, vận hành và bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo chuẩn quốc gia và tiến tới là chuẩn quốc tế.

Tôi là thành viên của Ban, Tổ biên soạn, tư vấn xây dựng và đổi mới một số chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Trường như: **Ban rà soát chương trình đào tạo** Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2017; **Tổ soạn thảo chương trình đào tạo chất lượng cao (bằng tiếng Anh)** chuyên ngành **Quản trị** năm 2018. Ngoài ra, tôi còn tham gia rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành và chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD theo hướng nghiên cứu và ứng dụng của Khoa Quản trị năm 2018. Trong quá trình tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tôi luôn cập nhật các môn học theo chương trình của các trường đại học hàng đầu thế giới, cũng như biên soạn đề cương chi tiết cho một số môn học.

Bên cạnh đó, một số công trình khoa học của tôi đã báo cáo trong các hội nghị dành cho cả nhà chuyên môn và nhà làm chính sách, điều hành thực tiễn tại các đơn vị áp dụng thực tế. Các công trình khoa học xuất bản trên các tạp chí quốc tế uy tín trong và ngoài nước được phát hành rộng rãi để giúp thông tin các kết quả nghiên cứu đến các nhà khoa học và các đơn vị áp dụng thực tế có liên quan.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Ứng viên không đề xuất CTKH thay thế.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

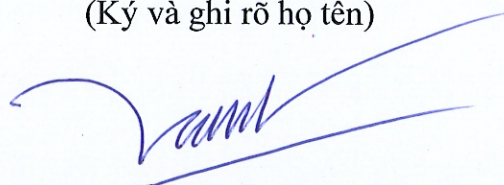
b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
 - Giờ giảng dạy
 - + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
 - + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
 - Hướng dẫn chính NCS/HVCH/CK2/BSNT:
 - + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
 Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
 - + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐
 Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:.....
 - c) Nghiên cứu khoa học
 - Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
 Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
 - Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
 Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
 - Không đủ số CTKH là tác giả chính:
 - + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐
 Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....
 - + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
 Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....
- (*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2020
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
 (Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Nhật Hạnh